

Bản án số: 35/2018/HS-ST
Ngày 19-3-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Xuân Dệt và bà Tô Thị Lành.

- Thư ký phiên tòa:

Ông Phạm Quang Hoàn là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Tấn Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2018/ QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Duy S (tên gọi khác: S Hero), sinh năm 1979 tại tỉnh Gia Lai; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 7, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: hiện nay: Số nhà 112, đường Trường Chinh, tổ 9, phường P thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Tha R (đã chết) và bà: Nguyễn Thị Ái D; có vợ: Nguyễn Thị Ngọc L và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 22 tháng 3 năm 1996, bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 12 tháng tù, về tội: “Cướp tài sản”, tại bản án số 11/HS-ST; ngày 24 tháng 11 năm 1998, bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 03 năm tù, về tội: “Gây rối trật tự công cộng”, tại bản án số 904; bị cáo đã chấp hành xong 02 bản án nêu trên; ngày 05/12/2016, thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, bị tạm giữ từ ngày 10/12/2016 đến ngày 19/12/2016, được thay thế biện pháp tạm giữ và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ đó đến nay. Có mặt.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1996; địa chỉ cư trú: Thôn 11, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Anh Văn Sĩ S, sinh năm 1999; địa chỉ cư trú: Thôn 8, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

-Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

1. Anh Trương Công T, sinh năm 1999; địa chỉ cư trú: Thôn 2, xã T, huyện Chu P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1989; nơi ĐKHKT: Tổ 7, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai; chỗ ở: Tổ 9, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. Ông Nguyễn Hùng A, sinh năm 1966; địa chỉ cư trú; Tổ 9, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05 tháng 12 năm 2016, Nguyễn Duy S đến khu vực xóm chợ nhỏ thuộc phường H, thành phố P chơi thì gặp đối tượng tên V (chưa xác định được nhân thân, lai lịch), do biết V có bán ma túy nên Sơn hỏi mua ma túy của V với số tiền 900.000 đồng để bán kiếm lời, thì V đồng ý và đưa cho Sơn 01 gói bên trong có chứa ma túy. S mang số ma túy trên về phòng số 01 của khu tập thể Điện Lực thuộc tổ 9, phường P, thành phố P mà S thuê, rồi phân chia thành nhiều gói nhỏ, cất giấu trong phòng để bán. Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 10 tháng 12 năm 2016, khi S đang ở tại phòng trọ thì có Nguyễn Hữu Đ và Văn Sĩ S đến gặp S hỏi mua ma túy với số tiền 100.000 đồng (trong số tiền này Đ góp 60.000 đồng, Văn Sĩ S góp 40.000 đồng) để sử dụng. S đồng ý và đưa cho Đ và Văn Sĩ S 02 gói ma túy. Sau khi bán ma túy, S vào phòng nằm, còn Đ và Văn Sĩ S lấy ma túy sử dụng ngay tại phòng trọ của S. Đến 13 giờ 30 phút cùng ngày, khi Đ và Văn Sĩ S vừa sử dụng xong 02 gói ma túy thì có Trương Công T đến phòng trọ của S hỏi mua ma túy để sử dụng. Ngay lúc này, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P phát hiện và tiến hành kiểm tra tại phòng trọ của S. Cơ quan điều tra thu giữ tại góc phòng gần giường ngủ của S 01 ống kim loại bên ngoài có cuốn băng keo đen bên trong có chứa vụn thực vật khô, số vụn thực vật khô này được bỏ vào 01 túi ni lon (được niêm phong đánh số I); thu giữ tại túi áo khoác bên phải của vợ Nguyễn Duy S là Nguyễn Thị Ngọc L đang treo trên tường 04 gói ni lon bên trong các gói này đều chứa vụn thực vật khô (được niêm phong đánh số II); thu giữ tại tủ 01 túi ni lon màu xanh trắng hiệu 333 bên trong chứa vụn thực vật khô và 40 gói ni lon bên trong các gói này đều chứa vụn thực vật khô (được niêm phong đánh số III). Ngay sau đó, Cơ quan điều tra đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Duy S, đồng thời niêm phong số ma túy thu của Nguyễn Duy S theo quy định. Ngoài ra, Cơ quan điều tra

còn thu giữ của Nguyễn Duy S 1.400.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và 01 chai nhựa trên nắp có gắn một ống thủy tinh.

Qua trưng cầu giám định, tại Tọa Kết luận giám định số 782/C54C(Đ4) ngày 16/12/2016 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận:

“Phần thân, lá của cây thực vật khô đựng trong 01 (một) túi ni lông được niêm phong trong 01 (một) phong bì ký hiệu I gửi giám định có trọng lượng: 28,690 gam; có DELTA.9-Tetrahydrocannabinol. Phần thân, lá của cây thực vật khô đựng trong 04 (bốn) túi ni lông được niêm phong trong 01 (một) phong bì ký hiệu II gửi giám định có trọng lượng: 1,194 gam; có DELTA.9-Tetrahydrocannabinol. Phần thân, lá của cây thực vật khô đựng trong 01 (một) túi ni lông màu xanh và 40 (bốn mươi) gói ni lông trong suốt được niêm phong trong 01 (một) phong bì ký hiệu III gửi giám định có trọng lượng: 24,450 gam; có DELTA.9-Tetrahydrocannabinol. DELTA.9-Tetrahydrocannabinol và các đồng phân là chất ma túy nằm trong Danh mục I, STT 12, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ”.

Tại Kết luận giám định bổ sung số 715/C54C(Đ4) ngày 18/12/2017 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận: *“Phần thân, lá thực vật khô đựng trong 02 túi ni lông ký hiệu I và III niêm phong trong phong bì số 782/C54C(Đ4) gửi giám định đều là ma túy loại DELTA.9-Tetrahydrocannabinol. Hàm lượng DELTA.9-Tetrahydrocannabinol trong mẫu ký hiệu I là 1,8%; hàm lượng DELTA.9-Tetrahydrocannabinol trong mẫu ký hiệu III là 2,4%”.*

Tại cơ quan điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Hữu Đ và anh Văn Sĩ S đều có lời khai thống nhất với nội dung lời khai của bị cáo S, cụ thể: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 10 tháng 12 năm 2016, khi S đang ở tại phòng trọ thì có Nguyễn Hữu Đ và Văn Sĩ S đến gặp S hỏi mua ma túy với số tiền 100.000 đồng (trong số tiền này Đ góp 60.000 đồng, Văn Sĩ S góp 40.000 đồng) để sử dụng. S đồng ý và đưa cho Đ và Văn Sĩ S 02 gói ma túy. Sau khi bán ma túy, bị cáo S vào phòng nằm, còn Đ và Văn Sĩ S lấy ma túy sử dụng ngay tại phòng trọ của S. Đến 13 giờ 30 phút cùng ngày, khi Đ và Văn Sĩ S vừa sử dụng xong 02 gói ma túy thì có Trương Công T đến phòng trọ của S hỏi mua ma túy để sử dụng. Ngay lúc này, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P phát hiện và tiến hành kiểm tra tại phòng trọ của S, thu giữ được số lượng ma túy nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số: 32/CT-VKS, ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố Nguyễn Duy S về tội: *“Mua bán trái phép chất ma túy”* theo Khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Duy S có lời khai thống nhất với lời khai của bị cáo đã khai trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với nội dung bản cáo trạng, cụ thể: Sau khi mua 900.000 đồng ma túy của đối tượng tên Vinh thì S đưa về nhà nơi mình ở chia thành nhiều gói nhỏ để bán kiếm lời. Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 10 tháng 12 năm 2016, khi Sơn đang ở tại phòng trọ thì có Nguyễn Hữu Đ và Văn Sĩ S đến gặp hỏi mua ma túy với số tiền 100.000 đồng để sử dụng. Sơn đồng ý và đưa cho Đ và Văn Sĩ S 02 gói ma túy. Sau khi bán ma túy, S vào phòng nằm, còn Đ và Văn Sĩ S lấy ma túy sử dụng ngay tại phòng trọ của S. Đến 13 giờ 30 phút cùng ngày, khi Đ và Văn Sĩ S vừa sử dụng xong 02 gói ma túy thì có Trương Công T đến phòng trọ của Sơn hỏi mua ma túy để sử dụng thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P phát hiện và bắt quả tang.

Người làm chứng là chị Nguyễn Thị Ngọc L khai: Thống nhất với lời khai của chị đã khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Nguyễn Duy S phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; áp dụng Khoản 1 Điều 251; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội, về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14, xử phạt Nguyễn Duy S: Từ 24 tháng đến 30 tháng tù; trả lại cho bị cáo S số tiền 1.300.000 đồng; tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 100.000 đồng thu của bị cáo S do phạm tội mà có; tịch thu và tiêu hủy 01 chai nhựa trên nắp có gắn một ông thủy tinh và 01 phong bì dán kín, ghi số 715/C54C(DD4) đóng dấu niêm phong của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Những chứng cứ xác định có tội: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Duy S khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo đã khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Ngày 05 tháng 12 năm 2016, Nguyễn Duy S đến khu vực xóm chợ nhỏ thuộc phường Hội Thương, thành phố P chơi thì gặp đối tượng tên V. Vì biết V có bán ma túy nên S hỏi mua ma túy của V với số tiền 900.000 đồng để bán kiếm lời thì V đồng ý và đưa cho S 01 gói bên trong có chứa ma túy. S mang số ma túy trên về phòng số 01 của khu tập thể Điện Lực thuộc tổ 9, phường P, thành phố P mà S thuê, rồi phân chia thành nhiều gói nhỏ,

cất giấu trong phòng để bán. Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 10 tháng 12 năm 2016, khi S đang ở tại phòng trọ thì có Nguyễn Hữu Đ và Văn Sĩ S đến gặp hỏi mua ma túy với số tiền 100.000 đồng để sử dụng. S đồng ý và đưa cho Đ và Văn Sĩ S 02 gói ma túy. Sau khi bán ma túy, S vào phòng nằm, còn Đ và Văn Sĩ S lấy ma túy sử dụng ngay tại phòng trọ của S. Đến 13 giờ 30 phút cùng ngày, khi Đ và Văn Sĩ S vừa sử dụng xong 02 gói ma túy thì có Trương Công T đến phòng trọ của S hỏi mua ma túy để sử dụng thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P phát hiện và tiến hành kiểm tra tại phòng trọ của S. Cơ quan điều tra thu giữ tại góc phòng gần giường ngủ của S 01 ống kim loại bên ngoài có cuộn băng keo đen bên trong có chứa vụn thực vật khô, số vụn thực vật khô này được bỏ vào 01 túi ni lon (được niêm phong đánh số I); thu giữ tại túi áo khoác bên phải của vợ Nguyễn Duy S là Nguyễn Thị Ngọc L đang treo trên tường 04 gói ni lon bên trong các gói này đều chứa vụn thực vật khô (được niêm phong đánh số II); thu giữ tại tủ 01 túi ni lon màu xanh trắng hiệu 333 bên trong chứa vụn thực vật khô và 40 gói ni lon bên trong các gói này đều chứa vụn thực vật khô (được niêm phong đánh số III). Tổng số lượng ma túy mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P thu giữ được tại nhà bị cáo S và đưa đi giám định có kết quả như sau:

Tại Kết luận giám định số 782/C54C(Đ4) ngày 16/12/2016 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận:

“Phần thân, lá của cây thực vật khô đựng trong 01 (một) túi ni lông được niêm phong trong 01 (một) phong bì ký hiệu I gửi giám định có trọng lượng: 28,690 gam; có DELTA.9-Tetrahydrocannabinol. Phần thân, lá của cây thực vật khô đựng trong 04 (bốn) túi ni lông được niêm phong trong 01 (một) phong bì ký hiệu II gửi giám định có trọng lượng: 1,194 gam; có DELTA.9-Tetrahydrocannabinol. Phần thân, lá của cây thực vật khô đựng trong 01 (một) túi ni lông màu xanh và 40 (bốn mươi) gói ni lông trong suốt được niêm phong trong 01 (một) phong bì ký hiệu III gửi giám định có trọng lượng: 24,450 gam; có DELTA.9-Tetrahydrocannabinol. DELTA.9-Tetrahydrocannabinol và các đồng phân là chất ma túy nằm trong Danh mục I, STT 12, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ”.

Tại Kết luận giám định bổ sung số 715/C54C(Đ4) ngày 18/12/2017 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận: *“Phần thân, lá thực vật khô đựng trong 02 túi ni lông ký hiệu I và III niêm phong trong phong bì số 782/C54C(Đ4) gửi giám định đều là ma túy loại DELTA.9-Tetrahydrocannabinol. Hàm lượng DELTA.9-Tetrahydrocannabinol trong mẫu ký hiệu I.*

Hành vi tàng trữ 54,334 gam thân, lá thực vật khô có chứa ma túy loại DELTA.9-Tetrahydrocannabinol để bán kiếm lời do bị cáo Nguyễn Duy S thực hiện như nêu trên là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của

Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự trị an xã hội. Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Duy S phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Quan điểm truy tố của Viện Kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đều hợp pháp.

[4] Xét các tình tiết liên quan đến quyết định hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự nên bị xét xử theo Khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng nhân thân xấu, cụ thể: Ngày 22 tháng 3 năm 1996, bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 12 tháng tù, về tội “*Cướp tài sản*”, tại bản án số 11/HS-ST; ngày 24 tháng 11 năm 1998, bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 03 năm tù, về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”, tại bản án số 904; bị cáo đã chấp hành xong 02 bản án nêu trên.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hình phạt: Trên cơ sở xem xét các tình tiết liên quan đến quyết định hình phạt và nhân thân của bị cáo như đã phân tích ở trên thì xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp. Đồng thời phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo được tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Xử lý vật chứng:

-Số tiền 1.400.000 đồng thu giữ trong người bị cáo S. Trong đó 100.000 đồng là do phạm tội mà có nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước. Trả lại số tiền 1.300.000 đồng cho bị cáo, vì không liên quan đến tội phạm.

-01 chai nhựa trên nắp có gắn một ống thủy tinh và 01 phong bì dán kín, ghi số 715/C54C(Đ4) đóng dấu niêm phong của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng. Đây là những vật chứng cầm tàng trữ, lưu hành nên tịch thu và tiêu hủy.

[6] Án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Duy S phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Các hành vi có liên quan trong vụ án:

Trương Công T khai: Bị cáo Nguyễn Duy S đã bán ma túy cho T vào ngày 08 tháng 12 năm 2016 với số tiền 50.000 đồng, nhưng do Tiến đã đi khỏi địa phương, hiện không xác định được T đang ở đâu và Nguyễn Duy S không thừa nhận đã bán ma túy cho T, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P sẽ tiếp tục đấu tranh, xác minh làm rõ để xử lý sau.

Đối tượng tên V, là người đã bán thân, lá thực vật khô có chứa ma túy loại DELTA.9-Tetrahydrocannabinol cho bị cáo Nguyễn Duy S với số tiền 900.000 đồng; đối tượng tên V, là người mà Nguyễn Hữu Đ khai đã bán ma túy cho Đức 04 lần. Quá trình điều tra, bị cáo S không biết rõ nhân thân, địa chỉ của V; Đ cũng không biết rõ nhân thân, địa chỉ của V, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P chưa có căn cứ để xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P đang tiếp tục xác minh, khi nào xác định được hai đối tượng tên V và V nêu trên sẽ xử lý sau.

Đối với Nguyễn Hữu Đ, Văn Sĩ S và Trương Công T là những người đến gặp S để mua ma túy sử dụng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Đ, Văn Sĩ S và T về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bằng hình thức phạt tiền là đúng.

Đối với Nguyễn Thị Ngọc L là người có mặt tại phòng trọ của bị cáo Nguyễn Duy S nhưng L không biết gì về việc mua bán chất ma túy giữa bị cáo Nguyễn Duy S với Nguyễn Hữu Đ và Văn Sĩ S, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P không xem xét, xử lý.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy S (tên gọi khác: S Hero) phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2. Hình phạt: Áp dụng Khoản 1 Điều 251; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy S (tên gọi khác: S Hero) 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 10 tháng 12 năm 2016 đến ngày 19 tháng 12 năm 2016. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo Nguyễn Duy S đi chấp hành án.

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;
-Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 100.000 (bằng chữ: Một trăm ngàn) đồng là tài sản do phạm tội mà có.

-Trả lại cho bị cáo Nguyễn Duy S (tên gọi khác: S Hero) số tiền 1.300.000 (bằng chữ: Một triệu ba trăm ngàn) đồng.

-Tịch thu và tiêu hủy 01 chai nhựa trên nắp có gắn một ống thủy tinh và 01 phong bì dán kín, ghi số 715/C54C(Đ4) đóng dấu niêm phong của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng.

Toàn bộ vật chứng nêu trên được thể hiện tại Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 26 tháng 02 năm 2018 giữa Công an thành phố Pleiku và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku.

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Duy S (tên gọi khác: S Hero) phải nộp 200.000 (bằng chữ: Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách nhà nước.

4. Quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo: Căn cứ vào các Điều: 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Báo cho: Bị cáo Nguyễn Duy S (tên gọi khác: S Hero) được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (19/3/2018). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TP. P;
- Công an thành phố P;
- Chi cục THADS TP.P
- Sở Tư pháp Gia Lai;
- Bị cáo Nguyễn Duy S;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thường

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

